

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN YÊN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25/5/2023

“V/v: Yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN YÊN - TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Nhật Quang;

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Mạnh Cường;

2. Bà Hà Thị Thu;

- *Thư ký phiên tòa:* bà Vũ Thị Phương Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên - tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* ông Bùi Xuân Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023 về việc: “Tranh chấp về không công nhận quan hệ vợ chồng, giải quyết về con chung của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Hà Thị T - sinh năm 1970.

Địa chỉ: số nhà 12, phố LTK, thị trấn TY, huyện TY, tỉnh QN. Có mặt.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn Đ - sinh năm 1970.

Nơi ĐKKHKT: số nhà 12, phố LTK, thị trấn TY, huyện TY, tỉnh QN; chỗ ở hiện tại: số 446, đường MĐC, phường KL, thành phố MC, tỉnh QN. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2022, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 trên cơ sở hai người hoàn toàn tự nguyện và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Năm 1990, anh chị chung sống tại thôn ĐC, xã TL, huyện TY, tỉnh QN cho đến năm 2005 thì

chuyển về sống tại phố LTK, thị trấn TY, QN. Mặc dù chung sống với nhau như vợ chồng nhưng do không hiểu biết về pháp luật và cũng đã nhiều tuổi nên không đăng ký kết hôn. Đến năm 2010 chị và anh Đ xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách, cách sống không hợp. Hai anh chị đã nhiều lần nói chuyện tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Đến năm 2012 chị T và anh Đ không còn chung sống cùng nhau nữa. Nay xác định giữa chị và anh Đ không đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, tình cảm cũng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị T đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ là vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: chị T và anh Đ có 03 (ba) con chung là Nguyễn Thị T – sinh ngày 29/11/1990; Nguyễn Thị N – sinh ngày 02/02/1997 và Nguyễn Thành Đ – sinh ngày 25/3/2002. Hiện nay các con chung đã thành niên, không bị hạn chế về thể chất và tinh thần, tự lo được cuộc sống riêng của bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chị T và anh Đ tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị và anh Đ không vay nợ chung với cơ quan, cá nhân hay tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: về thời gian anh và chị T chung sống cùng nhau như vợ chồng, chị T trình bày là đúng. Sau khi được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1990, anh chị chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, sống với nhau hạnh phúc đến năm 2010 thì anh, chị xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm, tính cách, cách sống không hợp khiến cuộc sống trở nên căng thẳng. Anh và chị T đã nói chuyện tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, do mâu thuẫn quá trầm trọng, năm 2012 anh chị đã không còn chung sống với nhau. Nay xác định giữa anh và chị T không còn tình cảm, cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị T có yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị T, anh đồng ý.

Về con chung: anh Đ xác nhận chị T trình bày về phần con chung là đúng. Hiện nay các con chung Nguyễn Thị T – sinh ngày 29/11/1990; Nguyễn Thị N – sinh ngày 02/02/1997 và Nguyễn Thành Đ – sinh ngày 25/3/2002 đã thành niên, không bị hạn chế về thể chất và tinh thần, tự lo được cuộc sống riêng của bản thân. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh và chị T không vay nợ chung với cơ quan, cá nhân hay tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã TL và UBND thị trấn TY, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh nơi chị T, anh Đ đã từng chung sống thì được Cán bộ Tư pháp – Hộ tịch cho biết:

Tại Ủy ban nhân dân xã TL: qua rà soát, kiểm tra sổ đăng ký kết hôn lưu trữ tại UBND xã TL xác định đối với sổ lưu trữ từ năm 1998 trở về trước do mưa lũ đã hỏng, rách, nát nên không tiến hành tra cứu được. Từ năm 1998 cho đến nay, chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn Đ không đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện TY, tỉnh QN.

Tại Ủy ban nhân dân thị trấn TY: qua rà soát, kiểm tra sổ đăng ký kết hôn lưu trữ tại UBND thị trấn TY xác định từ trước đến nay chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn Đ không đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn TY, huyện TY, tỉnh QN.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY tại phiên tòa:

- Về tố tụng: trong quá trình từ giai đoạn thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn Đ. Về con chung, do các con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi), có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết; về chia tài sản chung, nợ chung, do nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn Đ về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng anh chị đều khẳng định không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân xã TL và Ủy ban nhân dân thị trấn TY, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh đều xác nhận chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn Đ không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Sau khi về chung sống với nhau, chị T và anh Đ hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách, cách sống không hợp khiến cuộc sống trở nên căng thẳng, năm 2012 anh, chị đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết, tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh

Nguyễn Văn Đ, anh Đ nhất trí. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn Đ là quan hệ hôn nhân không hợp pháp nên Hội đồng xét xử cần không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn Đ theo Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn Đ có 03 (ba) con chung là Nguyễn Thị T – sinh ngày 29/11/1990; Nguyễn Thị N – sinh ngày 02/02/1997 và Nguyễn Thành Đ – sinh ngày 25/3/2002. Cả 03 (ba) con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi), có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động. Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: chị T và anh Đ tự thỏa thuận về tài sản chung, anh, chị không vay nợ chung với cơ quan, cá nhân hay tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị Hà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn Đ có 03 (ba) con chung là Nguyễn Thị T – sinh ngày 29/11/1990; Nguyễn Thị N – sinh ngày 02/02/1997 và Nguyễn Thành Đ – sinh ngày 25/3/2002. Cả 03 (ba) con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi), có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: chị Hà Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012113 ngày 13/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND h. TY;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS h. Tiên Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Nhật Quang